

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý
cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10. tháng 8. năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

**Cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu
về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Cao Bằng**
(Kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người lao động (NLĐ) trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; việc đồng bộ cơ sở dữ liệu (CSDL) CBCCVC, NLĐ của tỉnh về Cơ sở dữ liệu Quốc gia (CSDLQG) CBCCVC do Bộ Nội vụ quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với CBCCVC, NLĐ công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; tổ chức hội đặc thù được giao biên chế cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố; Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Cao Bằng* là các thông tin được thu thập theo mẫu sơ yếu lý lịch của mỗi cá nhân CBCCVC, NLĐ; được tổ chức thành tập hợp thông tin có cấu trúc để cập nhật, truy cập, khai thác và quản lý thông qua thiết bị công nghệ thông tin.

2. *Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc quản trị, vận hành, xác thực dữ liệu điện tử; xây dựng, cập nhật, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác CSDL của CBCCVC, NLĐ.

3. *Quyền truy cập* là quyền của người sử dụng được kết nối và làm việc thông qua tên truy cập, mật khẩu để khai thác và sử dụng CSDL của tỉnh.

4. *Quản lý quyền truy cập* là việc tạo mới, cấp phát, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền truy cập vào CSDL của tỉnh.

5. *Cơ quan quản lý CSDL của tỉnh* là cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC, NLĐ hoặc theo phân cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện xây dựng

CSDL, quản lý tài khoản người dùng, xác nhận, phê duyệt sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác CSDL trong các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

6. *Tài khoản quản trị* là thông tin bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng nhập vào hệ thống quản lý CBCCVC và được giao cho người đứng đầu cơ quan hoặc người được ủy quyền khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của đơn vị.

7. *Tài khoản cá nhân của CBCCVC, NLĐ* (sau đây viết tắt là *tài khoản cá nhân*) là tên người dùng và mật khẩu để CBCCVC, NLĐ đăng nhập vào hệ thống quản lý CBCCVC để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh thông tin cá nhân và sử dụng các chức năng hiện có của hệ thống.

8. *Quản lý tài khoản* là việc tạo lập tài khoản cơ quan, tài khoản cá nhân; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập của tài khoản vào hệ thống; thay đổi tên đăng nhập, cấp lại mật khẩu cho tài khoản.

9. *Quản lý cơ cấu, tổ chức bộ máy* là việc tạo lập, thay đổi thông tin, sáp nhập, hợp nhất, xóa bỏ cấu trúc cây thư mục về tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

10. *Nhập liệu* là việc CBCCVC, NLĐ thực hiện việc nhập thông tin của cá nhân vào CSDL của tỉnh.

11. *Phê duyệt dữ liệu* là thực hiện xác thực thông tin, dữ liệu của CBCCVC, NLĐ trên CSDL của tỉnh.

12. *Ký số* là việc sử dụng thiết bị lưu giữ thông tin chữ ký của mỗi cá nhân đã được mã hóa phục vụ việc sử dụng dịch vụ chữ ký số kết hợp với chức năng của CSDL của tỉnh để ký các văn bản điện tử theo thẩm quyền trong CSDL của tỉnh.

13. *Khai thác cơ sở dữ liệu* là việc thực hiện các chức năng tra cứu, tìm kiếm, xem thông tin hoặc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê, báo cáo, xuất, in các kết quả trên CSDL của tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. CSDL về CBCCVC, NLĐ của tỉnh được lưu giữ, quản lý thống nhất tại UBND tỉnh do Sở Nội vụ làm đầu mối quản lý, vận hành; quyền truy cập, khai thác thông tin được cấp đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, mục đích sử dụng của từng CBCCVC, NLĐ.

2. CSDL về CBCCVC, NLĐ của tỉnh phải đáp ứng được yêu cầu cập nhật, sử dụng, khai thác thông tin 24/24 giờ hằng ngày, trừ thời gian tạm dừng để bảo dưỡng, nâng cấp (có thông báo cụ thể).

3. Mỗi CBCCVC, NLĐ trên địa bàn tỉnh được cấp 01 tài khoản để truy cập vào CSDL của tỉnh; chịu trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của cá nhân lên CSDL của tỉnh theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Chỉ có những người có thẩm quyền quản lý hoặc được cấp quyền truy cập mới được phép sử dụng, khai thác CSDL của tỉnh (trừ thông tin của chính cá nhân đó).

5. Các đơn vị theo phân cấp về công tác quản lý, sử dụng CBCCVC, NLĐ có trách nhiệm đôn đốc, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân hiện có vào CSDL của tỉnh.

Điều 5. Các hành vi không được làm

Theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

CẬP NHẬT, KHAI THÁC, QUẢN LÝ VÀ ĐỒNG BỘ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 6. Tạo lập, cập nhật dữ liệu

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào

CBCCVC: Thống nhất sử dụng mẫu sơ yếu lý lịch tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nội vụ để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu CSDL của tỉnh.

NLĐ: Thống nhất sử dụng mẫu hợp đồng lao động (Phụ lục II) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của CSDL của tỉnh.

2. Cơ quan quản lý CSDL có trách nhiệm tạo lập tài khoản cơ quan cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản cơ quan và tạo lập tài khoản cá nhân để CBCCVC, NLĐ nhập liệu vào CSDL của tỉnh.

Cá nhân CBCCVC, NLĐ có trách nhiệm truy cập vào tài khoản cá nhân đã được cấp, thay đổi mật khẩu mặc định để nhập thông tin của mình vào CSDL của tỉnh; thông tin phải đầy đủ, thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác theo sơ yếu lý lịch/mẫu hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận.

3. Đối với việc cập nhật thông tin, dữ liệu của CBCCVC, NLĐ khi có thay đổi thì cá nhân có trách nhiệm kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu vào CSDL của tỉnh (không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin) kèm theo bản số hóa tài liệu để minh chứng (file scan từ bản gốc tài liệu).

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật dữ liệu CBCCVC, NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý và phê

duyet dữ liệu CBCCVC, NLĐ của cơ quan, đơn vị, địa phương vào CSDL của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 7. Phê duyệt, đồng bộ dữ liệu

1. Trong vòng 05 ngày cuối mỗi tháng, người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm ký số để phê duyệt dữ liệu được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung của CBCCVC, NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị mình vào CSDL của tỉnh.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt về CSDLQG chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

Điều 8. Khai thác cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương, CBCCVC, NLĐ cập nhật và khai thác dữ liệu trong CSDL của tỉnh tại địa chỉ: <https://ccvc.caobang.gov.vn>

2. Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ CSDL của tỉnh để tổng hợp, phân tích đội ngũ CBCCVC, NLĐ; tổ chức bộ máy; biên chế và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ CSDL của tỉnh về CSDLQG do Bộ Nội vụ quản lý.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về CBCCVC, NLĐ của đơn vị, địa phương mình trong CSDL của tỉnh; các dữ liệu này được chia sẻ mặc định từ CSDL của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.

4. CBCCVC, NLĐ được quyền khai thác dữ liệu của mình; được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên CSDL tỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC, NLĐ đồng ý bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

5. Dữ liệu CBCCVC, NLĐ của CSDL của tỉnh khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền hoặc ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

Điều 9. Lưu trữ cơ sở dữ liệu

1. Dữ liệu CBCCVC, NLĐ được lưu trữ trong CSDL của tỉnh và được sao lưu định kỳ để bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 10. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu

1. Trường hợp CBCCVC, NLD chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước trong phạm vi nội bộ tỉnh (gọi chung là thay đổi công tác trong tỉnh) thì đồng thời với việc chuyển giao hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý, sử dụng CBCCVC, NLD có trách nhiệm báo cáo về cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC, NLD để thực hiện việc chuyển hồ sơ, tài khoản của CBCCVC, NLD từ cơ quan cũ sang cơ quan mới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chuyển công tác có hiệu lực.

Trường hợp chuyển công tác giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc trong cùng một cơ quan, đơn vị sẽ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý thực hiện việc chuyển hồ sơ, tài khoản của CBCCVC, NLD ngay sau khi quyết định chuyển công tác có hiệu lực.

b) CBCCVC, NLD có trách nhiệm truy cập vào tài khoản cá nhân của mình để kiểm tra thông tin, dữ liệu, thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý.

2. Trường hợp CBCCVC, NLD chuyển công tác đi/đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước mà không thuộc thẩm quyền quản lý dữ liệu CBCCVC, NLD của tỉnh (gọi chung là thay đổi công tác ngoài tỉnh) thì đồng thời với việc chuyển giao hồ sơ giấy theo quy định, cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý CBCCVC, NLD có trách nhiệm thực hiện thay đổi trạng thái hồ sơ, hủy quyền truy cập vào CSDL của đơn vị, địa phương mình đối với tài khoản của CBCCVC, NLD chuyển công tác ra ngoài tỉnh.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chuyển giao hồ sơ giấy, cơ quan quản lý CBCCVC, NLD của tỉnh phối hợp cơ quan quản lý hồ sơ điện tử nơi CBCCVC đi hoặc đến (Bộ, ban, ngành, tỉnh/thành phố) để chuyển giao hoặc tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp dữ liệu của CBCCVC, NLD được tiếp nhận chưa có trên CSDLQG thì cơ quan, đơn vị, địa phương thêm mới hồ sơ của CBCCVC, NLD trên hệ thống và thực hiện đồng bộ về CSDLQG.

c) CBCCVC, NLD có trách nhiệm truy cập vào tài khoản cá nhân của mình trên CSDL của cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận để kiểm tra thông tin, dữ liệu, thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý.

3. Trường hợp CBCCVC, NLD thay đổi công tác theo quy định tại khoản 1 Điều này; chuyển công tác ra khỏi cơ quan, đơn vị của Nhà nước; nghỉ hưu; thôi

việc; qua đời thì dữ liệu CBCCVC, NLĐ đó vẫn phải được lưu trữ tại thư mục riêng trong CSDL của tỉnh.

Điều 11. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Trên cơ sở các thiết lập; các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi CSDLQG; các văn bản liên quan đến quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG do Bộ Nội vụ ban hành, Sở Nội vụ phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, nâng cấp CSDL; cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ CSDL của tỉnh về CSDLQG.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL của tỉnh với CSDLQG về CBCCVC, NLĐ thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan sử dụng cặp khóa kết nối do Bộ Nội vụ cung cấp để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL của tỉnh về CBCCVC, NLĐ với các hệ thống thông tin khác theo quy định.

4. Cơ quan quản lý CSDL của tỉnh thực hiện ký số phê duyệt dữ liệu trước khi đồng bộ dữ liệu của tỉnh về CSDLQG thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

Điều 12. Bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin đối với CSDL CBCCVC, NLĐ

1. CSDL về CBCCVC, NLĐ của tỉnh được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Khung Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Cao Bằng; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Dữ liệu CBCCVC, NLĐ được quản lý theo chế độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo mật, an toàn thông tin.

Điều 13. Thẩm quyền quản lý tài khoản cơ quan, tài khoản cá nhân

1. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

a) Tạo lập tài khoản cơ quan của các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

b) Quản lý tài khoản cơ quan của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thẩm quyền của các sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố

a) Tạo lập tài khoản cơ quan của các đơn vị thuộc và trực thuộc; tạo lập hoặc ủy quyền tạo lập tài khoản cá nhân cho CBCCVC, NLĐ thuộc phạm vi quản lý.

b) Quản lý tài khoản cơ quan của các đơn vị thuộc và trực thuộc; tài khoản cá nhân của CBCCVC, NLĐ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 01 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình quản lý CSDL CBCCVC, NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm: tổng số CBCCVC, NLĐ hiện có được chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm; phản ánh kịp thời vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này).

2. Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ tình hình quản lý CSDL CBCCVC, NLĐ của tỉnh theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Chấp hành quy định tại Quy chế này và các quy định của Đảng, pháp luật, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, khai thác, sử dụng CSDL của tỉnh; cập nhật, đồng bộ về CSDLQG.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra, điều chỉnh, cập nhật đúng, đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm tính xác thực của các dữ liệu, tài liệu cung cấp kèm theo dữ liệu cá nhân của mình trước pháp luật và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cập nhật dữ liệu, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý CSDL khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu mình cung cấp.

Điều 16. Công chức, viên chức được giao quản trị hệ thống tại cơ quan, đơn vị, địa phương (Quản trị viên hệ thống)

1. Chấp hành quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ CSDL của đơn vị, địa phương; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL của cơ quan mình và CSDLQG theo quy định pháp luật.

3. Cung cấp dữ liệu CBCCVC, NLĐ chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong CSDL CBCCVC và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý CSDL xem xét, xử lý.

5. Đôn đốc việc cập nhật hoàn thiện, đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

6. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý CSDL CBCCVC, NLĐ theo yêu cầu công việc.

7. Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của CSDL của đơn vị, địa phương. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản cơ quan và tài khoản cá nhân nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

8. Trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Cơ quan, đơn vị sử dụng CBCCVC, NLĐ

1. Quản lý tài khoản được phân cấp; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào CSDL theo phân cấp quản lý.

2. Tổ chức thực hiện quản lý dữ liệu CBCCVC, NLĐ theo quy định tại Quy chế này và quy định của cấp có thẩm quyền.

Chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quản lý dữ liệu CBCCVC, NLĐ của cơ quan cấp trên.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu CBCCVC, NLĐ trong phạm vi quản lý. Tham mưu xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản CSDL theo phân cấp quản lý.

4. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7 và Điều 10 Quy chế này theo phân cấp quản lý.

Điều 18. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp CSDL; cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong CSDL của tỉnh, CSDLQG theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

2. Chỉ đạo tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu trong CSDL của tỉnh phục vụ việc cập nhật, kết nối, chia sẻ với CSDLQG.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm ký số, đồng bộ CSDL của tỉnh về CSDLQG do Bộ Nội vụ quản lý theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

4. Chủ trì lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định việc duy trì, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản lý CBCCVC, NLĐ của tỉnh đáp ứng theo yêu cầu của Chính phủ và thực tế công tác quản lý hồ sơ CBCCVC, NLĐ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống hoạt động an toàn, bảo mật thông tin theo đúng các quy định hiện hành.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan duy trì, đảm bảo đường truyền số liệu chuyên dùng hoạt động ổn định để việc đồng bộ dữ liệu từ tỉnh về hệ thống CSDLQG do Bộ Nội vụ quản lý được thông suốt, đầy đủ.

Điều 20. Đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Nội vụ ban hành.

2. Đảm bảo dữ liệu CBCCVC, NLĐ khi được trích xuất bằng bảng biểu đáp ứng yêu cầu công tác quản lý của cấp có thẩm quyền.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và CBCCVC, NLĐ có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cấp trên trực tiếp việc thực hiện Quy chế này tại đơn vị do mình phụ trách.

3. Các tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./